

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-24
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), đăng ký lần đầu ngày 20/09/2004.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Đình Vọng	Chủ tịch
Ông Phan Trường Sơn	Ủy viên
Ông Vương Đăng Phương	Ủy viên
Bà Lê Thị Lan	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thúy	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Trường Sơn	Giám đốc
Ông Vương Đăng Phương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Phó Giám đốc
Ông Trần Vũ Anh	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trịnh Duy Hoàn	Trưởng ban
Ông Đoàn Trung Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Phan Trường Sơn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2011



Số: 1064 /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 được lập ngày 02 tháng 08 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2011

Trần Quang Mậu
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		691.290.944.874	807.033.904.190
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.416.920.229	22.621.520.958
111	1. Tiền		20.416.920.229	9.621.520.958
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	13.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		166.068.585.742	205.068.402.862
131	1. Phải thu của khách hàng		77.854.799.214	148.857.386.149
132	2. Trả trước cho người bán		45.685.721.014	16.920.873.621
135	5. Các khoản phải thu khác	4	42.528.065.514	39.290.143.092
140	IV. Hàng tồn kho	5	454.240.218.967	531.569.898.879
141	1. Hàng tồn kho		454.240.218.967	531.569.898.879
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		50.565.219.936	47.774.081.491
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	50.565.219.936	47.774.081.491
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		28.580.497.921	14.881.664.186
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		856.506.881	856.506.881
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		856.506.881	856.506.881
220	II. Tài sản cố định		1.715.241.040	2.057.657.305
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	1.715.241.040	2.057.657.305
222	- Nguyên giá		5.156.630.729	5.146.130.729
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.441.389.689)	(3.088.473.424)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	25.870.000.000	11.690.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		13.260.000.000	4.080.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		12.610.000.000	7.610.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		138.750.000	277.500.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	138.750.000	277.500.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		719.871.442.795	821.915.568.376

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		590.526.785.985	685.376.896.568
310	I. Nợ ngắn hạn		590.001.634.633	683.581.548.932
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	116.506.541.000	141.520.872.000
312	2. Phải trả người bán		153.347.246.347	257.520.369.710
313	3. Người mua trả tiền trước		68.991.506.580	75.567.193.123
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	9.471.977.068	6.263.306.483
316	6. Chi phí phải trả	12	54.780.990.111	54.266.571.094
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	185.484.816.492	149.200.147.000
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.418.557.035	(756.910.478)
330	II. Nợ dài hạn		525.151.352	1.795.347.636
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		525.151.352	545.651.453
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	1.249.696.183
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		129.344.656.810	136.538.671.808
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	129.344.656.810	136.538.671.808
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		99.999.440.000	99.999.440.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		9.398.433.550	1.877.503.114
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		6.082.193.038	4.578.006.951
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.864.590.222	30.083.721.743
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		719.871.442.795	821.915.568.376

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Euro (EUR)		220,22	369,13
  			
Lê Thị Lan Kế toán trưởng	Phan Trường Sơn Giám đốc		

Lập, ngày 02 tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	281.616.195.421	232.095.193.639
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	55.388.416	1.463.494.817
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	281.560.807.005	230.631.698.822
11	4. Giá vốn hàng bán	18	249.052.550.505	206.895.125.233
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.508.256.500	23.736.573.589
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	2.832.530.963	1.064.417.846
22	7. Chi phí tài chính	20	500.000.000	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		13.765.004.324	9.259.765.220
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		21.075.783.139	15.541.226.215
31	11. Thu nhập khác		12.157.350	101.761.400
32	12. Chi phí khác		110.298.545	101.751.022
40	13. Lợi nhuận khác		(98.141.195)	10.378
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.977.641.944	15.541.236.593
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	5.065.130.486	3.936.784.737
	Lợi nhuận phải chia cho đối tác		413.919.749	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.498.591.709	11.604.451.856

Lê Thị Lan
Kế toán trưởng

Phan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 02 tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		380.281.097.687	271.669.023.362
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(286.021.869.587)	(295.627.242.945)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(36.210.897.813)	(31.282.626.838)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(11.839.023.848)	(5.366.762.063)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.127.187.508)	(8.742.271.417)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		13.923.076.775	10.155.736.356
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.913.924.398)	(13.748.191.797)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		42.091.271.308	(72.942.335.342)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(10.500.000)	(96.178.181)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	2.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(14.180.000.000)	(1.800.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.400.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		408.958.963	584.461.026
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.781.541.037)	3.088.282.845
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		136.005.541.000	183.202.816.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(161.019.872.000)	(111.117.044.500)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.500.000.000)	(6.125.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(30.514.331.000)	65.960.771.500
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.204.600.729)	(3.893.280.997)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		22.621.520.958	27.645.597.412
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		20.416.920.229	23.752.316.415

Lê Thị Lan
Kế toán trưởng

Phan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 02 tháng 08 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), đăng ký lần đầu ngày 20/09/2004.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 99.999.440.000 VND. Tương đương 9.999.944 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty tại Miền Nam	Số 26 Trường Sa, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP HCM
- Các đội xây dựng	Tại trụ sở Công ty

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	B4-TT13, Khu đô thị mới Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.2	Số nhà 15, Lô 11, Khu đô thị mới Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.3	Số nhà 01, Lô 14, Khu đô thị mới Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 8.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và công nghiệp. Xây dựng các công trình công cộng, công viên sinh vật cảnh. Xây dựng các công trình văn hóa thể thao, du lịch, tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa xã hội;
- Lắp đặt điện nước, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình;
- Lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;

- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi Nhà nước cho phép);
- Đầu tư các dự án phát triển nhà và đô thị;
- Sản xuất vỏ bao xi măng;
- Đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái;
- Sản xuất kinh doanh đồ gỗ dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp./

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 06 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

30313
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
ĐẦU TƯ VÀ
NH KẾ T
KIỂM TOÁN
KIỂM - TP

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.



Doanh thu kinh doanh bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế phát sinh sẽ được ghi giảm vào tài khoản phải trả này.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác*Hợp đồng ủy thác đầu tư*

Các tài sản đầu tư và vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải thu và các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán của Công ty.

Doanh thu và chi phí từ hoạt động đi vay và cho các đối vay lại vốn vay

Doanh thu từ hoạt động cho các đối vay vốn và chi phí đi vay được hạch toán bù trừ phát sinh trên chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	2.890.294.302	5.821.845.270
Tiền gửi ngân hàng	17.526.625.927	3.799.675.688
Các khoản tương đương tiền	-	13.000.000.000
	20.416.920.229	22.621.520.958

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	612.000.000	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	27.605.736	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	2.442.454.079	-
Phải thu về tiền ủy thác của nhà đầu tư	32.483.000.000	32.483.000.000
Phải thu về chi phí Ban điều hành Dự án Bắc Ninh	2.545.147.973	2.744.676.053
Phải thu về các đội xây lắp	2.290.276.150	2.290.276.150
Phải thu khác	2.127.581.576	1.772.190.889
	42.528.065.514	39.290.143.092

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	454.240.218.967	531.569.898.879
	454.240.218.967	531.569.898.879

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	50.565.219.936	47.774.081.491
	50.565.219.936	47.774.081.491

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	-	4.202.042.752	921.360.704	22.727.273	5.146.130.729
Số tăng trong kỳ	-	-	10.500.000	-	10.500.000
- Mua sắm mới	-	-	10.500.000	-	10.500.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	4.202.042.752	931.860.704	22.727.273	5.156.630.729
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	-	2.390.776.668	674.969.483	22.727.273	3.088.473.424
Số tăng trong kỳ	-	278.537.061	74.379.204	-	352.916.265
- Trích khấu hao	-	278.537.061	74.379.204	-	352.916.265
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	2.669.313.729	749.348.687	22.727.273	3.441.389.689
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Đầu kỳ	-	1.811.266.084	246.391.221	-	2.057.657.305
Cuối kỳ	-	1.532.729.023	182.512.017	-	1.715.241.040



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	13.260.000.000	4.080.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	4.080.000.000	4.080.000.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.2	4.080.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.3	5.100.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	12.610.000.000	7.610.000.000
	25.870.000.000	11.690.000.000

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Đầu tư, xây lắp, cho thuê máy móc thiết bị
Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.2	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Đầu tư, xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.3	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Đầu tư, xây lắp, kinh doanh bất động sản

Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.2 được thành lập ngày 09/04/2011, Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.3 được thành lập ngày 19/04/2011. Tại thời điểm 30/06/2011 cả hai công ty chưa lập báo cáo tài chính.

Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Nikko ⁽¹⁾	2.610.000.000	2.610.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD8 ⁽²⁾	5.000.000.000	-
Góp vốn thành lập Công ty CP Đầu tư Phát triển Kiến Hưng ⁽³⁾	5.000.000.000	5.000.000.000
	12.610.000.000	7.610.000.000

- (1) Đầu tư mua cổ phiếu để trở thành cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Nikko theo hợp đồng đầu tư và hợp tác kinh doanh số 35/HĐĐT\$HTKD ngày 15/06/2007. Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ là 214.200 cổ phần, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 3 năm.
- (2) Góp vốn thành lập với vai trò là cổ đông sáng lập, số lượng cổ phần nắm giữ là 500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.
- (3) Góp vốn thành lập với vai trò là cổ đông sáng lập, số lượng cổ phần nắm giữ là 500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Công ty CP Đầu tư Phát triển Kiến Hưng đang trong quá trình đầu tư thực hiện dự án, chưa phát sinh doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thương hiệu HUD	138.750.000	277.500.000
	138.750.000	277.500.000

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	116.506.541.000	141.520.872.000
- Vay ngân hàng	83.795.776.000	101.824.118.000
- Vay cá nhân	32.710.765.000	39.696.754.000
	116.506.541.000	141.520.872.000

Chi tiết vay ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽¹⁾	83.795.776.000	101.824.118.000
Các cá nhân ⁽²⁾	32.710.765.000	39.696.754.000
	116.506.541.000	141.520.872.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HỆTDHM ngày 15/06/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 100 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hạn mức đến hết ngày 30/06/2011; thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; các khoản thu theo hợp đồng kinh tế ký kết với các đối tác mà công ty là người thụ hưởng, đảm bảo bằng tài sản của công ty và tài sản của bên thứ ba.

(2) Các khoản vay cá nhân với lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây tại từng thời điểm, thời hạn cho vay là 06 tháng, hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	6.305.028.208	1.595.494.294
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.094.645.837	4.522.701.372
Thuế Thu nhập cá nhân	72.303.023	145.110.817
	9.471.977.068	6.263.306.483

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí Dự án CT18 Việt Hưng, Hà Nội	53.230.734.894	53.978.571.094
Trích trước chi phí Dự án LK6 Đông Sơn, Thanh Hóa	1.550.255.217	-
Trích trước chi phí lãi vay	-	288.000.000
	54.780.990.111	54.266.571.094

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.155.689.131	1.155.689.131
Phải trả cổ tức	12.911.238.822	1.115
Phải trả các đội	75.730.418.610	91.656.190.635
Phải trả tổ chức, cá nhân tiền nhận ủy thác đầu tư	32.483.000.000	32.483.000.000
Phải trả đối tác về hạ tầng dự án Việt Hưng	9.670.861.068	9.670.861.068
Phải trả các bên góp vốn đầu tư xây dựng Dự án Kiến Hưng	109.127.636	109.127.636
Phải trả đối tác tiền nộp quỹ xúc tiến đầu tư Dự án Hanel - HUD3	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả đối tác tiền góp vốn dự án KĐT Đông Sơn, Thanh Hóa	10.431.000.000	5.215.000.000
Phải trả đối tác tiền lãi thực hiện dự án 123 Tô Hiệu, Hà Đông	975.541.150	561.621.401
Phải trả tiền thuế chuyển nhượng bất động sản	465.906.560	465.906.560
Phải trả ban an toàn chung Công ty	195.474.619	255.870.337
Phải trả tiền lãi vay vốn	5.300.714.338	4.061.949.489
Phải trả tiền ký quỹ khách hàng mua căn hộ T1-T10 Việt Hưng	684.000.000	528.000.000
Phải trả khác về các dự án	32.345.506.000	-
Phải trả, phải nộp khác	26.338.558	36.929.628
	185.484.816.492	149.200.147.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ này	99.999.440.000	-	1.877.503.114	4.578.006.951	30.083.721.743	136.538.671.808
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	15.912.511.458	15.912.511.458
Phân phối lợi nhuận	-	-	7.520.930.436	1.504.186.087	(11.672.484.036)	(2.647.367.513)
Chi trả cổ tức kỳ trước	-	-	-	-	(18.411.237.707)	(18.411.237.707)
Lợi nhuận tạm chia cho đối tác ⁽¹⁾	-	-	-	-	(413.919.749)	(413.919.749)
Giảm khác ⁽²⁾	-	-	-	-	(1.634.001.487)	(1.634.001.487)
Số dư cuối kỳ này	99.999.440.000	-	9.398.433.550	6.082.193.038	13.864.590.222	129.344.656.810

(1) Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong kỳ là số lợi nhuận phải trả đối tác theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án Khu nhà ở cao cấp và văn phòng cho thuê Golden Palace tại số 121 và 123 Tô Hiệu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

(2) Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong kỳ là do Công ty điều chỉnh lại khoản tiền thuế Công ty đã kê khai và hạch toán miễn, giảm của quý IV năm 2008 và năm 2009 theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính, tuy nhiên theo Công văn 15011/BTC-CST ngày 05/11/2010 của Bộ Tài chính thì Công ty không thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế theo quy định tại thông tư này.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Tập đoàn HUD	51.000.000.000	51,00%	51.000.000.000	51,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	48.999.440.000	49,00%	48.999.440.000	49,00%
	99.999.440.000	100,00%	99.999.440.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.999.440.000	50.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	99.999.440.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	99.999.440.000	50.000.000.000

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/01/2011, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	(%)	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	30.645.343.144
Trích Quỹ đầu tư phát triển	24,54%	7.520.930.436
Trích Quỹ dự phòng tài chính	4,91%	1.504.186.087
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,64%	2.647.367.513
Chi trả cổ tức	60,08%	18.411.237.707
Lợi nhuận chia cho đối tác	1,83%	561.621.401

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.999.944	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.999.944	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.999.944	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.999.944	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.999.944	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.398.433.550	1.877.503.114
Quỹ dự phòng tài chính	6.082.193.038	4.578.006.951
	15.480.626.588	6.455.510.065

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	166.065.165.136	92.405.629.986
Doanh thu hợp đồng xây dựng	115.551.030.285	139.689.563.653
	281.616.195.421	232.095.193.639

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

16 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	55.388.416	1.463.494.817
	55.388.416	1.463.494.817

17 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bất động sản	166.065.165.136	92.405.629.986
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	115.495.641.869	138.226.068.836
	281.560.807.005	230.631.698.822

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	139.913.608.771	75.891.504.083
Giá vốn hợp đồng xây dựng	109.138.941.734	131.003.621.150
	249.052.550.505	206.895.125.233

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	194.758.963	226.956.246
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	144.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	826.200.000	213.504.780
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.811.572.000	479.956.820
	2.832.530.963	1.064.417.846

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí tài chính khác	500.000.000	-
	500.000.000	-

1353 - C
 CÔNG TY
 KHUYẾN
 TƯ VẤN
 KẾ TOÁN
 TÀI CHÍNH
 HÀ NỘI - TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.977.641.944	15.541.236.593
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(717.120.000)	205.902.353
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý)	109.080.000	419.407.133
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(826.200.000)	(213.504.780)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	20.260.521.944	15.747.138.946
Tổng lợi nhuận tính thuế	20.260.521.944	15.747.138.946
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.065.130.486	3.936.784.737
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này	1.634.001.487	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	4.522.701.372	8.497.710.109
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(8.127.187.508)	(8.742.271.417)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	3.094.645.837	3.692.223.429

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến 30 tháng 06 năm 2010, số liệu chưa được kiểm toán.





Lê Thị Lan
Kế toán trưởng

Phan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 02 tháng 08 năm 2011